

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 70/2022/HS-PT

Ngày 20-6-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Tỉnh

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Ngọt

Ông Lê Minh Đạt

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Trung Tín - Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Hoàng Phúc - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 40/2022/TLPT-HS ngày 29 tháng 4 năm 2022 đối với bị cáo L.H.P do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 28/2022/HS-ST ngày 21 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Bị cáo có kháng cáo: **L.H.P**, sinh năm 1988 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: Số xxN ấp N, xã N, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa: 12/12; giới tính: nam; dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; con ông L.V.N và bà N.T.Đ; vợ: N.T.T.P, sinh năm 1989; con: có 03 người con, lớn nhất sinh năm 2010, nhỏ nhất sinh năm 2021; tiền án: không; tiền sự: không; bị cáo tại ngoại; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

L.H.P là nhân viên giao hàng và thu tiền của khách hàng cho Chi nhánh Công ty cổ phần G tại tỉnh Bến Tre có địa chỉ tại số xx, đường E3, khu phố M, phường X, thành phố Bến Tre. Trong khoảng thời gian từ ngày 27/4/2021 đến ngày 18/5/2021, bằng thủ đoạn sau khi giao được gói hàng có giá trị cao và thu tiền của

khách hàng xong, L.H.P về báo lại Công ty là chưa giao hoặc chưa thu tiền sau đó L.H.P báo đã giao được gói hàng có giá trị thấp và nộp số tiền theo gói hàng có giá trị thấp lại cho Công ty, số tiền chênh lệch của hai gói hàng L.H.P chiếm đoạt tiêu xài cho bản thân, cụ thể:

- Lần thứ nhất: Ngày 27/4/2021, L.H.P giao gói hàng có mã vận đơn là S16049212.MN8.A12.2.923886065 cho chị L.T.D.H (sinh năm: 1994; ngụ tại: số xxC, đường Đ, phường P, thành phố Bến Tre) và thu số tiền là 7.677.500 đồng, nhưng L.H.P về báo Công ty là giao hàng 02 cái quần tây với số tiền là 300.000 đồng và nộp số tiền 300.000 đồng cho Công ty. Số tiền chênh lệch của 02 gói hàng là 7.377.000 đồng L.H.P chiếm đoạt tiêu xài hết.

- Lần thứ hai: Ngày 02/5/2021, L.H.P giao gói hàng có mã vận đơn là S78678.BO.MN8.A12.1.595476303 cho chị L.T.D.H (sinh năm: 1994; ngụ tại: số xxC, đường Đ, phường P, thành phố Bến Tre) và thu số tiền là 6.720.000 đồng, nhưng L.H.P về báo với Công ty chưa giao được hàng. Sau đó, L.H.P tự in lại mã vận đơn của đơn hàng này và dán vào gói hàng có mã vận đơn MN8.A12.3.745294747 có hàng thực tế là 01 cái nón màu đen với giá là 129.000 đồng và báo với Công ty đã giao xong đơn hàng rồi nộp số tiền thu hộ 129.000 đồng cho Công ty. Số tiền chênh lệch của 02 gói hàng là 6.591.000 đồng L.H.P chiếm đoạt tiêu xài hết.

- Lần thứ ba: Ngày 08/5/2021, L.H.P giao gói hàng có mã vận đơn là MN8.A12.2.563983282 cho chị M.T.L (sinh năm: 1983; ngụ tại: số xxxB2, đường C, phường P, thành phố Bến Tre) và thu số tiền là 4.002.000 đồng, nhưng L.H.P về báo với Công ty chưa giao được gói hàng này. Sau đó, L.H.P tự in lại mã vận đơn của đơn hàng này và dán vào gói hàng có mã vận đơn là MN8.A12.2.560145243 có hàng thực tế là 02 cái quần thun với số tiền thu hộ là 200.000 đồng và báo với Công ty đã giao xong đơn hàng rồi nộp số tiền thu hộ là 200.000 đồng cho Công ty. Số tiền chênh lệch của 02 gói hàng là 3.802.000 đồng, L.H.P chiếm đoạt tiêu xài hết.

- Lần thứ tư: Ngày 11/5/2021, L.H.P giao gói hàng có mã vận đơn là S19145714.MN8.A12.3.555815914 cho chị T.L (ngụ tại: số xxxC, đường N, phường P, thành phố Bến Tre) và thu số tiền là 1.520.000 đồng, nhưng L.H.P về báo với Công ty chưa giao được gói hàng này. Sau đó, L.H.P tự in lại mã vận đơn của đơn hàng này và dán vào gói hàng có mã vận đơn là MN8.A12.1.763044378 có hàng thực tế là 01 chai sữa tắm thuốc nam, 01 chai mỹ phẩm màu vàng, với số tiền thu hộ là 199.000 đồng và báo với Công ty đã giao xong đơn hàng rồi nộp số

tiền thu hộ là 199.000 đồng cho Công ty. Số tiền chênh lệch của 02 gói hàng là 1.321.000 đồng L.H.P chiếm đoạt tiêu xài hết.

- Lần thứ năm: Ngày 11/5/2021, L.H.P giao gói hàng có mã vận đơn là S662121.MN8.A12.3.602531353 cho chị C.T.T (sinh năm:1970; ngụ tại: số xxx/Bxx, đường C, phường P, thành phố Bến Tre) và thu số tiền là 1.530.000 đồng, nhưng L.H.P về báo với Công ty chưa giao được gói hàng. Sau đó, L.H.P tự in lại mã vận đơn của đơn hàng này và dán vào gói hàng có mã vận đơn là MN8.A12.3.840555087 có hàng thực tế là 03kg cà phê không phải thu tiền và báo với Công ty đã giao xong đơn hàng. Số tiền thu được 1.530.000 đồng L.H.P chiếm đoạt tiêu xài hết.

- Lần thứ sáu: Ngày 13/5/2021, L.H.P giao gói hàng có mã vận đơn là S69266.MN8.A12.3.898871051 cho chị L.T.T.V (sinh năm: 1957; ngụ tại: khu phố X, phường P, thành phố Bến Tre) và thu số tiền là 970.000 đồng, nhưng L.H.P báo với Công ty chưa giao được gói hàng này. Sau đó, L.H.P tự in lại mã vận đơn của đơn hàng này và dán vào gói hàng có mã vận đơn là MN8.A12.3.656542737 có hàng thực tế là 01 cái lược, với giá là 25.000 đồng và báo với Công ty đã giao xong đơn hàng rồi nộp số tiền thu hộ 25.000 đồng cho Công ty. Số tiền chênh lệch của 02 gói hàng là 945.000 đồng L.H.P chiếm đoạt tiêu xài hết.

- Lần thứ bảy: Ngày 15/5/2021, L.H.P giao gói hàng có mã vận đơn là S90199.BO.MN8.A12.3.880155097 cho chị T.T.K.H (sinh năm: 1992; ngụ tại: khu phố X, phường P, thành phố Bến Tre) và thu hộ Công ty số tiền là 1.327.000 đồng nhưng L.H.P về báo với Công ty là giao 01 chai mỹ phẩm với số tiền thu hộ 100.000 đồng và nộp số tiền thu hộ 100.000 đồng cho Công ty. Số tiền chênh lệch của 02 gói hàng là 1.227.000 đồng, L.H.P chiếm đoạt tiêu xài hết.

Ngoài ra, L.H.P còn khai nhận cũng với thủ đoạn nêu trên L.H.P đã chiếm đoạt số tiền thu hộ 08 gói hàng khác của Công ty với tổng số tiền là 18.780.600 đồng, cụ thể:

- Ngày 06/5/2021, L.H.P giao gói hàng có mã vận đơn là S19101807.BO.MN8.A12.3.944202045 cho chị T.T.H (sinh năm: 1994; ngụ tại: số xxx, đường N, phường P, thành phố Bến Tre) và đã thu hộ Công ty số tiền là 2.488.000 đồng nhưng chỉ giao lại cho Công ty 300.000 đồng và chiếm đoạt số tiền chênh lệch 2.188.000 đồng.

- Ngày 11/5/2021, L.H.P giao gói hàng có mã vận đơn là S14268.MN8.A12.2.754924029 cho chị L.T.B.L (sinh năm: 2000; ngụ tại: khu phố x, phường P, thành phố Bến Tre) và thu hộ Công ty số tiền là 1.270.600_đồng

nhưng chỉ giao lại cho Công ty 300.000 đồng và chiếm đoạt số tiền chênh lệch 970.600 đồng.

- Ngày 11/5/2021, L.H.P giao gói hàng có mã vận đơn là S18910311.MN8.A12.3.675347216 cho chị T.L (ngụ tại: số xxxC, đường N, phường P, thành phố Bến Tre) và thu hộ Công ty số tiền là 1.427.000 đồng nhưng chỉ giao lại cho Công ty 300.000 đồng và chiếm đoạt số tiền chênh lệch 1.127.600 đồng.

- Ngày 13/5/2021, L.H.P giao gói hàng có mã vận đơn là S237073.BO.MN8.A12.3.989904778, cho ông P.T.L.V (sinh năm: 1971; ngụ tại: khu phố x, phường P, thành phố Bến Tre) và thu hộ Công ty số tiền là 2.950.000 đồng nhưng chỉ giao lại cho Công ty 300.000 đồng và chiếm đoạt số tiền chênh lệch 2.650.000 đồng.

- Ngày 13/5/2021, L.H.P giao gói hàng có mã vận đơn là S14460727.BO.MN8.A12.1.616928633 cho chị N.T.M.T (sinh năm: 1997; ngụ tại: số xxxC1, N, phường P, thành phố Bến Tre) và thu hộ Công ty số tiền là 3.180.000 đồng nhưng chỉ giao lại cho Công ty 300.000 đồng và chiếm đoạt số tiền chênh lệch 2.880.000 đồng.

- Ngày 14/5/2021, L.H.P giao gói hàng có mã vận đơn là S14268.MN8.A12.1.864187163 cho chị Đ.N.T.M (sinh năm: 2001; ngụ tại: khu phố x, phường P, thành phố Bến Tre) và thu hộ Công ty số tiền là 1.175.000 đồng nhưng chỉ giao lại cho Công ty 300.000 đồng và chiếm đoạt số tiền chênh lệch 875.000 đồng .

- Ngày 16/5/2021, L.H.P giao gói hàng có mã vận đơn là S14398282.MN8.A12.2.936485170 cho chị L.T.D.H (sinh năm: 1994; ngụ tại: số xxC, đường Đ, phường P, thành phố Bến Tre) và thu hộ Công ty số tiền là 5.930.000 đồng nhưng chỉ giao lại cho Công ty 300.000 đồng và chiếm đoạt số tiền chênh lệch 5.630.000 đồng.

- Ngày 18/5/2021, L.H.P giao gói hàng có mã vận đơn là S3874833.MN8.A12.1.619855043, cho chị N.T.D (sinh năm: 1970; ngụ tại: khu phố x, phường P, thành phố Bến Tre) và thu hộ Công ty số tiền là 2.760.000 đồng nhưng chỉ giao lại cho Công ty 300.000 đồng và chiếm đoạt số tiền chênh lệch 2.460.000 đồng.

Vật chứng thu giữ gồm: 07 gói hàng, gồm:

- Gói hàng có mã vận đơn S78678.BO.MN8.A12.1.595476303;
- Gói hàng có mã vận đơn MN8.A12.2.563983282;

- Gói hàng có mã vận đơn S19145714.MN8.A12.3.555815914;
- Gói hàng có mã vận đơn S662121.MN8.A12.3.602531353;
- Gói hàng có mã vận đơn S69266.MN8.A12.3.898871051;
- Gói hàng có mã vận đơn S90199.BO.MN8.A12.3.880155097;
- Gói hàng có mã vận đơn S16049212.MN8.A12.2.923886065.

Tổng cộng bị cáo đã chiếm đoạt của Công ty 41.573.600 đồng.

* Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 28/2022/HS-ST ngày 21/3/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo L.H.P phạm “Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”; Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo L.H.P 01 (một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án. Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, trách nhiệm dân sự, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 05/4/2022, bị cáo kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo bổ sung kháng cáo yêu cầu được hưởng án treo và khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với nội dung Bản án sơ thẩm.

Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên thể hiện như sau: Đơn kháng cáo của bị cáo làm trong hạn luật định. Về tội danh, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố bị cáo L.H.P phạm “Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 1 Điều 175 của Bộ luật Hình sự là có cơ sở, đúng quy định. Xét thấy, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, bị cáo có nhân thân tốt, đã bồi thường toàn bộ số tiền còn lại mà bản án sơ thẩm đã tuyên, phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, có đủ điều kiện được hưởng án treo theo hướng dẫn tại Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 sửa đổi bổ sung Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 nên chấp nhận kháng cáo của bị cáo, sửa bản án sơ thẩm. Đề nghị áp dụng điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự, chấp nhận kháng cáo của bị cáo, sửa bản án sơ thẩm. Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175; các điểm b, h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 65 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo L.H.P 01 (một) năm tù về “Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Nhưng cho bị cáo hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm. Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị có hiệu

lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Lời nói sau cùng: Bị cáo không nói lời sau cùng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị cáo gửi đến Tòa án trong thời hạn kháng cáo phù hợp với quy định tại Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, có cơ sở xác định. Trong khoảng thời gian từ ngày 27/4/2021 đến ngày 18/5/2021, L.H.P là nhân viên giao hàng và thu hộ tiền của khách hàng cho Chi nhánh Công ty cổ phần G tại tỉnh Bến Tre đã nhiều lần có hành vi sau khi giao hàng và thu tiền khách hàng (thu hộ) nhưng không giao lại đúng thực tế số tiền đã thu cho Công ty mà dùng thủ đoạn gian dối báo gói hàng đã giao có giá trị thấp hơn gói hàng thực tế thu hộ để chiếm đoạt của Công ty cổ phần G chi nhánh tỉnh Bến Tre tổng số tiền là 41.573.600 đồng, trong đó có ba lần với số tiền chiếm đoạt trên 4.000.000 đồng dưới 8.000.000 đồng. Với ý thức, hành vi và giá trị tài sản mà L.H.P đã chiếm đoạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố bị cáo L.H.P phạm “Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 của Bộ luật Hình sự là có cơ sở, đúng quy định pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo, thấy rằng: Tòa án cấp sơ thẩm khi áp dụng hình phạt tù đã xem xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo như: Bị cáo phạm vào tiết tăng nặng là “phạm tội 02 lần trở lên” (theo điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự); tuy nhiên bị cáo có nhân thân tốt, không tiền án, tiền sự; bị cáo tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại; thành khẩn khai báo và nuôi con dưới 16 tuổi (theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự). Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo cho rằng bị cáo là lao động chính trong gia đình tạo thu nhập để nuôi sống gia đình và có các con còn nhỏ, bị cáo đã bồi thường hết số tiền còn lại mà Bản án sơ thẩm đã tuyên. Các tình tiết bị cáo đưa ra thuộc khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xét bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, tại cấp phúc thẩm bị cáo có thêm tình tiết giảm nhẹ mới, xét hoàn cảnh gia đình bị

cáo khó khăn hiện có ba con nhỏ (dưới 13 tuổi), vợ bị cáo phải chăm sóc con trong đó có hai con dưới 36 tháng tuổi (một con sinh vào ngày 25/02/2020 và một sinh vào ngày 14/6/2021), bị cáo là lao động chính trong gia đình, tạo thu nhập để nuôi gia đình, số tiền mỗi lần bị cáo chiếm đoạt có giá trị không lớn (điểm h khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự). Bị cáo phạm vào tình tiết tăng nặng là phạm tội hai lần trở lên nhưng các lần phạm tội này thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng. Bị cáo có đủ điều kiện được hưởng án treo theo thương dẫn tại Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 sửa đổi bổ sung Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán nên chấp nhận kháng cáo của bị cáo, sửa bản án sơ thẩm, giữ nguyên mức hình phạt và ấn định thời gian thử thách đối với bị cáo theo đề nghị của Kiểm sát viên cũng đủ cải tạo giáo dục bị cáo.

[4] Về án phí: Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm do kháng cáo được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự; chấp nhận kháng cáo của bị cáo, sửa quyết định của Bản án sơ thẩm.

1. Về trách nhiệm hình sự: Tuyên bố bị cáo L.H.P phạm “Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”;

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175; các điểm b, h, s, khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **L.H.P** 01 (Một) năm tù nhưng cho bị cáo hưởng án treo. Thời gian thử thách là 02 (hai) năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm là ngày 20/6/2022.

Giao bị cáo L.H.P về cho Ủy ban nhân dân xã N, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre, gia đình của bị cáo phối hợp giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 (hai) lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 65 Bộ luật Hình sự. Việc giải quyết trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc thực hiện theo quy định tại

Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

2. Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Bị cáo L.H.P không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng và án phí không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT I - Tòa án nhân dân tối cao (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre (3b);
- VKSND thành phố Bến Tre (1b);
- Công an thành phố Bến Tre (1b);
- Chi cục THADS thành phố Bến Tre (1b);
- UBND xã N, Tp. Bến Tre (1b);
- Bị cáo (1b);
- Phòng KTNV & THA, Tòa Hình sự, Văn phòng TAND tỉnh Bến Tre (5b);
- Lưu hồ sơ vụ án (1b).

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Tỉnh